

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON LONG SƠN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Số trẻ: 18 - 100% trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần. - 100% trẻ được cân đo và theo dõi sức khỏe theo quy định. - 100% trẻ kênh A - Tỷ lệ trẻ chuyên cần: 90% trở lên	- Số trẻ: 98 - 100% trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần. - 100% trẻ được cân đo và theo dõi sức khỏe theo quy định. - Trẻ kênh A: 90 % trở lên - Tỷ lệ trẻ chuyên cần: 90% trở lên
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Số trẻ: 18 - Nhà trường thực hiện dạy theo Chương trình Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Số trẻ: 98 - Nhà trường thực hiện dạy theo Chương trình Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Số trẻ: 18 - 100% trẻ được đánh giá theo các tiêu chí ở từng lĩnh vực phát triển và phần đầu 96% trẻ đạt được các tiêu chí đề ra.	- Số trẻ: 98 - 100% trẻ được đánh giá theo các tiêu chí ở từng lĩnh vực phát triển và phần đầu 100% trẻ đạt được các tiêu chí đề ra.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- 100% thực hiện các hoạt động hỗ trợ - Phối hợp tốt với cha mẹ học sinh trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện - Hỗ trợ học sinh khó khăn, theo quy định.	- 100% thực hiện các hoạt động hỗ trợ - Phối hợp tốt với cha mẹ học sinh trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện - Hỗ trợ học sinh khó khăn, theo quy định.

Tp Thủ Đức, ngày 22 tháng 5 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên và đóng dấu)



Lê Thị Minh Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON LONG SƠN

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	116	0	0	18	23	34	41
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	116	0	0	18	23	24	41
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	116	0	0	18	23	24	41
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	116	0	0	18	23	24	41
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	116	0	0	18	23	24	41
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	107	0	0	18	22	30	37
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	116	0	0	18	23	24	41

4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	9	0	0	0	1	4	4
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	18	0	0	18	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	98	0	0	0	23	34	41

Thủ Đức, ngày 22 tháng 5 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Lê Thị Minh Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON LONG SƠN

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ²
II	Loại phòng học	14	604 m ² / 116 trẻ em
1	Phòng học kiên cố	14	5.2 m ² / trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	0	0
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5621 m ²	48 m ² / trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	489 m ²	4.2 m ² / trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	151 m ² / phòng	4.3 m ² / trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	96 m ² / phòng	2.7 m ² / trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	21 m ² / phòng	0.6 m ² / trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	34 m ² / phòng	1 m ² / trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	151 m ² / phòng	1.3 m ² / trẻ em
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	151 m ² / phòng	1.3 m ² / trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	121 m ² / phòng	m ² / trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối		Số bộ/nhóm (lớp)

	thiếu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	4 bộ	4 bộ/4 nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	8	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	10	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	20	20 thiết bị/4 nhóm (lớp)
1	Đồ chơi tự làm	20	20 /4 nhóm (lớp)

		Số lượng(m²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	21	14	0	0.6	00
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	

XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Thủ Đức, ngày 22 tháng 5 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Lê Thị Minh Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON LONG SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

[illegible]

3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên khác	5	0	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0	0	0
..	..														

Thủ Đức, ngày 22 tháng 05 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Thị Minh Châu